

CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC CỦA VIỆT NAM KHI GIA NHẬP CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

Mai Quyên

ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Cộng đồng kinh tế Asean (AEC) được dự kiến thành lập vào cuối năm 2015 và được đánh giá là một bước ngoặt đánh dấu sự hòa nhập toàn diện của các nền kinh tế khu vực Đông Nam Á. Vì thế, mục đích của bài báo giúp người đọc thấy được những cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập AEC và đưa ra một số ý kiến giúp Việt Nam khi gia nhập AEC có hiệu quả hơn. Những cơ hội có thể kể ra ở đây là: Việt Nam sẽ có được thị trường rộng lớn hơn, lao động dịch chuyển tự do, cơ hội mở rộng xuất khẩu, thu hút các nguồn đầu tư. Bên cạnh đó còn có những thách thức không nhỏ như: Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn rất yếu kém, năng suất và chất lượng lao động của Việt Nam thấp, hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa các quốc gia thành viên AEC sẽ dần xóa bỏ... Vì vậy, Việt Nam cần thực hiện một số công việc: tăng cường tuyên truyền về AEC, đổi mới kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng...

Từ khóa: *Cộng đồng kinh tế Asean, cơ hội, kinh tế Việt Nam, lao động, thách thức, xuất khẩu.*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với 179 quốc gia, có quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với hơn 220 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việc Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2007 đã đưa quá trình hội nhập của đất nước từ cấp độ khu vực (ASEAN năm 1995) và liên khu vực (ASEM năm 1996, APEC năm 1998) lên đến cấp độ toàn cầu.

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á được thành lập vào ngày 8/8/1967 gồm 10 quốc gia, trong đó có Việt Nam với mục tiêu nhằm thiết lập một liên minh chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của các nước trong khu vực. Sau 48 năm tồn tại và phát triển, trải qua nhiều bối cảnh thăng trầm của thế giới và khu vực, ASEAN đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, trở thành một tổ chức hợp tác khu vực trên tất cả các lĩnh vực; trong đó lĩnh vực kinh tế luôn được chú trọng và đặt lên hàng đầu. Hiện nay, ASEAN đang chuyển sang giai đoạn thực hiện mục tiêu cuối cùng của hội nhập kinh tế “ASEAN tầm nhìn 2020” và AEC là một trong ba trụ cột quan trọng của Cộng đồng ASEAN nhằm thực hiện các mục tiêu đề ra, ASEAN

đang chuyển sang giai đoạn phát triển với mục tiêu bao trùm là hình thành cộng đồng ASEAN vào năm 2015 và hoạt động dựa trên cơ sở pháp lý và hiến chương ASEAN. Trong bối cảnh quốc tế mới và tác động của AEC đối với Việt Nam thì việc nhận diện những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam là cần thiết, góp phần định hướng những lợi ích và những khó khăn mà AEC sẽ mang lại cho nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng vào một thị trường chung và thống nhất.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Giới thiệu chung về cộng đồng kinh tế Asean.
- Những cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập cộng đồng kinh tế Asean.
- Một số ý kiến góp phần giúp Việt Nam gia nhập cộng đồng kinh tế Asean hiệu quả hơn.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

Nghiên cứu chỉ dùng số liệu thứ cấp. Thu thập những số liệu cần thiết từ các bài nghiên cứu, bài báo, báo cáo... về cộng đồng kinh tế Asean.

2.2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu

- Phương pháp thống kê mô tả: Phương pháp này được sử dụng để xem xét tình hình lao động, tình hình xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài... của Việt Nam.

- Phương pháp thống kê so sánh: Phương pháp này sử dụng để đánh giá sự biến động của các chỉ tiêu nghiên cứu qua các năm.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU, THẢO LUẬN

3.1. Giới thiệu chung về cộng đồng kinh tế Asean (AEC)

Để đáp ứng yêu cầu phát triển và liên kết các quốc gia trong khu vực thành một khối thống nhất, vào tháng 10 năm 2003 Lãnh đạo các nước ASEAN đã ký tuyên bố hòa hợp ASEAN II (hay còn gọi là tuyên bố Bali II) thống nhất đề ra mục tiêu hình thành Cộng đồng ASEAN vào năm 2020 với ba trụ cột chính: Cộng đồng An ninh (ASC), Cộng đồng Kinh tế (AEC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC) trên cơ sở giữ vững các nguyên tắc cơ bản của ASEAN. Theo dự định của các nhà lãnh đạo ASEAN, AEC sẽ được thành lập vào năm 2015.

Kế hoạch cho AEC là một tuyên bố ràng buộc dựa trên 4 trụ cột:

Trụ cột 1: Một thị trường đơn nhất và một không gian sản xuất chung. Việc thực hiện hóa cộng đồng kinh tế ASEAN sẽ biến ASEAN thành một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất, theo đó góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ASEAN. AEC sẽ hỗ trợ hội nhập kinh tế của các khu vực ưu tiên, đồng thời cho phép tự do chu chuyển nguồn nhân lực có trình độ cao tài năng trong kinh doanh. Một thị trường và cơ sở sản xuất thống nhất ASEAN bao gồm năm yếu tố cơ bản: chu chuyển tự do hàng hóa, dịch vụ, lao động có tay nghề; chu chuyển tự do

hơn nữa các dòng vốn và dòng đầu tư.

Trụ cột 2: Một khu vực kinh tế mang tính cạnh tranh cao. Cộng đồng kinh tế ASEAN hướng tới mục tiêu tạo dựng một khu vực kinh tế có năng lực cạnh tranh cao, thịnh vượng và ổn định, theo đó khu vực này sẽ ưu tiên 6 yếu tố chủ chốt là: chính sách cạnh tranh, bảo vệ người tiêu dùng, quyền sở hữu trí tuệ, phát triển cơ sở hạ tầng, hệ thống thuế khóa và thương mại điện tử.

Trụ cột 3: Một khu vực phát triển kinh tế bình đẳng. Mục đích của AEC đối với sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ là thúc đẩy năng lực cạnh tranh của khu vực này bằng các lợi thế hóa phương pháp tiếp cận thông tin, tài chính, kỹ năng, phát triển nguồn nhân lực và công nghệ. Những động lực này là để lấp đầy khoảng cách giữa các quốc gia thành viên ASEAN, thúc đẩy hội nhập kinh tế của Cambodia, Lào, Myanmar và Việt Nam, cho phép các nước thành viên cùng hướng tới một mục tiêu chung và đảm bảo tất cả các quốc gia này đều có được lợi ích công bằng trong quá trình hội nhập kinh tế.

Trụ cột 4: Hội nhập kinh tế toàn cầu. AEC nhằm hình thành một khu vực kinh tế ASEAN ổn định, thịnh vượng và có khả năng cạnh tranh cao trong đó hàng hóa, dịch vụ, đầu tư sẽ được chu chuyển tự do và vốn được lưu chuyển tự do hơn, kinh tế phát triển đồng đều, đói nghèo và chênh lệch kinh tế - xã hội được giảm bớt vào năm 2020.

3.2. Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi gia nhập AEC

3.1.2. Những cơ hội đối với Việt Nam khi ra nhập AEC

3.1.2.1. Cơ hội có được một thị trường rộng lớn hơn

ASEAN có tổng GDP trên 2,7 nghìn tỷ USD, tăng trưởng trung bình 5% - 6% hàng năm. Dân số 620 triệu người, với cơ cấu dân số tương đối trẻ. Thu hút đầu tư nước ngoài năm 2012 đạt 108,09 tỷ USD, con số này năm 2013 và 2014 là 126,04 tỷ USD, 132,83 tỷ USD. AEC với việc tự do hóa dịch chuyên hàng hóa, dịch vụ trong khu vực ASEAN sẽ khuyến khích các hoạt động kinh doanh và đầu tư lớn hơn ở khu vực. Các doanh nghiệp Việt Nam sẽ đầu tư sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhiều hơn ở các nước trong khu vực ASEAN... Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp Việt Nam nắm bắt thời cơ mở rộng thị trường. Mặt khác, AEC tạo lập một khu vực thị trường và sản xuất thống nhất, dẫn đến kinh tế của nhiều nước trở nên phồn vinh hơn, tăng thu nhập và hình thành nên một lượng mới người tiêu dùng trung lưu với thu nhập cao, đó là đối tượng khách hàng rất tiềm năng của các doanh nghiệp.

3.2.1.2. Cơ hội cho tự do dịch chuyển lao động

Cộng đồng Kinh tế ASEAN bao gồm 10 quốc gia với 300 triệu người tham gia lực lượng lao động. Lực lượng lao động này được tự do di chuyển trong thị trường chung sẽ là nhân tố cơ bản để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước thành viên AEC. Trước mắt, trong năm 2015 có 8 ngành nghề lao động trong các nước ASEAN được tự do di chuyển thông qua các thỏa thuận công nhận tay nghề tương đương, gồm kế toán, kiến trúc sư, nha sĩ, bác sĩ, kỹ sư, y tá, vận chuyển và nhân viên ngành du lịch. Ngoài ra, nhân lực chất lượng cao trong đó có nhân lực được đào tạo chuyên môn hoặc có trình độ từ đại học trở lên, thông thạo ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, được di chuyển tự do hơn.

Hình thành Cộng đồng kinh tế ASEAN

giúp thị trường lao động trong ASEAN sôi động hơn, thúc đẩy tạo việc làm cho từng quốc gia thành viên. Cũng theo dự báo của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), khi tham gia AEC, số việc làm của Việt Nam sẽ tăng lên 14,5% vào năm 2025.

Khi tham gia AEC, lợi thế lớn nhất của Việt Nam là có lực lượng lao động dồi dào và cơ cấu lao động trẻ. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2005 lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp chiếm tới 55,09% thì đến năm 2013 tỷ lệ này đã giảm đáng kể chỉ còn 46,81%. Lao động trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo tăng lên qua các năm, về cơ cấu năm 2005 là 11,67% đến năm 2013 tăng lên 13,95%.

Về chất lượng lao động cũng đã từng bước được nâng lên. Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 14,6 % năm 2010 lên 18,2% năm 2014. Lao động qua đào tạo đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động. Lực lượng lao động kỹ thuật của Việt Nam đã làm chủ được khoa học - công nghệ, đảm nhận được hầu hết các vị trí công việc phức tạp trong sản xuất kinh doanh mà trước đây phải thuê chuyên gia nước ngoài. Tuy nhiên, do xuất phát điểm thấp, cơ cấu kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp, do vậy, tỷ lệ lao động tham gia vào thị trường lao động chính thức còn thấp, đạt khoảng 30%.

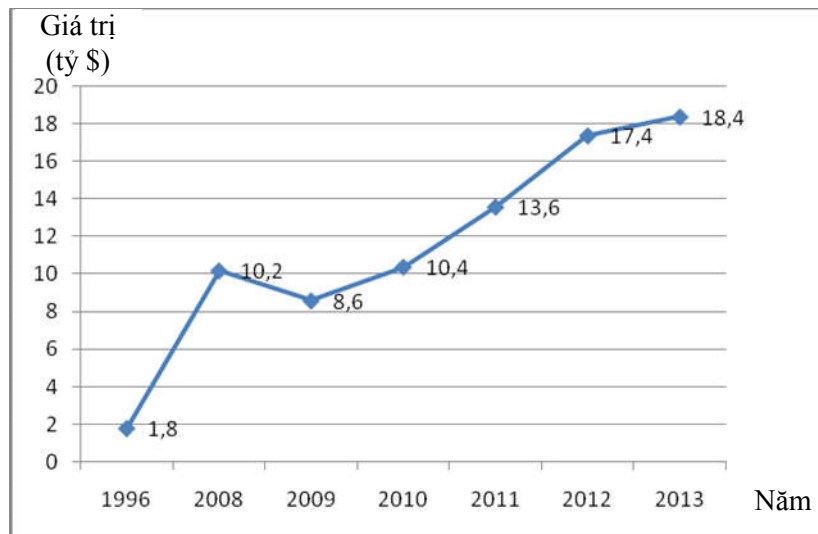
Trong bối cảnh một thị trường chung, người lao động Việt Nam không những có nhiều cơ hội nghề nghiệp trong nước mà còn mở rộng ra các thị trường khu vực. Người lao động có cơ hội tương tác và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng chuyên ngành ở các nước tiên tiến trong khu vực. Người lao động Việt Nam sẽ được “cọ xát” khi làm việc ở nhiều nơi, làm tăng tính linh hoạt, khả năng thích ứng với môi

trường làm việc đa văn hóa - vốn dĩ là một điểm chưa mạnh của Việt Nam sẽ được nâng cao và cải thiện.

3.1.2.3. Cơ hội mở rộng xuất khẩu

ASEAN hiện là đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam và là động lực giúp nền kinh tế nước ta duy trì tốc độ tăng trưởng và xuất khẩu trong nhiều năm qua.

Kể từ khi gia nhập ASEAN, xuất khẩu của Việt Nam với ASEAN luôn giữ một tỉ trọng lớn tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu tính theo số tuyệt đối giữa Việt Nam với ASEAN tăng liên tục, từ 1,8 tỉ USD năm 1996 lên 10,2 tỉ USD năm 2008 và 18,4 tỉ USD năm 2013. Trong những năm gần đây, ASEAN luôn thuộc nhóm các thị trường xuất khẩu hàng đầu của Việt Nam.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Hình 01. Xuất khẩu của Việt Nam sang các nước ASEAN (giai đoạn 1996 – 2013)

Khi AEC hình thành, các doanh nghiệp Việt Nam có thể bán hàng sang các nước ASEAN gần như bán hàng trong nước. Đây là một trong những thuận lợi đối với việc lưu chuyển hàng hóa của các doanh nghiệp. Hơn nữa, các thủ tục xuất nhập khẩu sẽ đỡ rườm rà hơn và việc cải cách thủ tục xuất xứ, tiến tới cho phép doanh nghiệp tự chứng nhận xuất xứ cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thông quan hàng hoá sang các thị trường ASEAN.

Các hiệp định AEC còn giúp ổn định nguồn nhập khẩu và hạ giá đầu vào nhập khẩu. Do nhập khẩu thường xuyên chiếm khoảng 80% GDP của Việt Nam nên việc ổn định nguồn nhập khẩu và hạ giá đầu vào nhập khẩu có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc duy trì tăng trưởng kinh tế nói chung và tăng trưởng xuất

khẩu nói riêng. Thêm vào đó, khi thuế suất trong ASEAN giảm xuống 0%, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có điều kiện giảm chi phí, hạ giá thành hàng xuất khẩu, góp phần gia tăng năng lực cạnh tranh.

3.1.2.4. Cơ hội thu hút các nguồn đầu tư

Kể từ khi có Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài có hiệu lực năm 1988, dòng vốn FDI luôn là động lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của nước ta trong suốt 28 năm qua. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) luôn phát triển năng động. Trong 25 năm từ 1988 - 2013, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt khoảng 218,8 tỷ USD, tổng vốn thực hiện đạt 106,3 tỷ USD, lĩnh vực công nghiệp chiếm tới gần 60%.

Thu hút đầu tư là cơ hội được trông đợi

nhất. Bởi vì việc kết nối và xây dựng một ASEAN thống nhất, bớt chia cắt hơn, sẽ khiến các nhà đầu tư lớn nhìn ASEAN như một sân chơi chung, một công xưởng chung, ở đó có khối nguồn lực thống nhất, đặc biệt là nguồn nhân lực có kỹ năng với giá còn tương đối rẻ.

AEC cũng sẽ giúp Việt Nam cải thiện tốt hơn môi trường kinh doanh từ thủ tục hải quan, thủ tục hành chính cho tới việc tạo ra ưu đãi đầu tư cân bằng hơn. Thu hút đầu tư nhiều hơn đồng nghĩa với quá trình chuyển giao công nghệ diễn ra nhanh và tích cực hơn, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm công nghiệp, tạo đà cho nền công nghiệp Việt Nam hướng tới phát triển cân bằng với các quốc gia khác.

3.2.2. Những thách thức với Việt Nam khi tham gia AEC

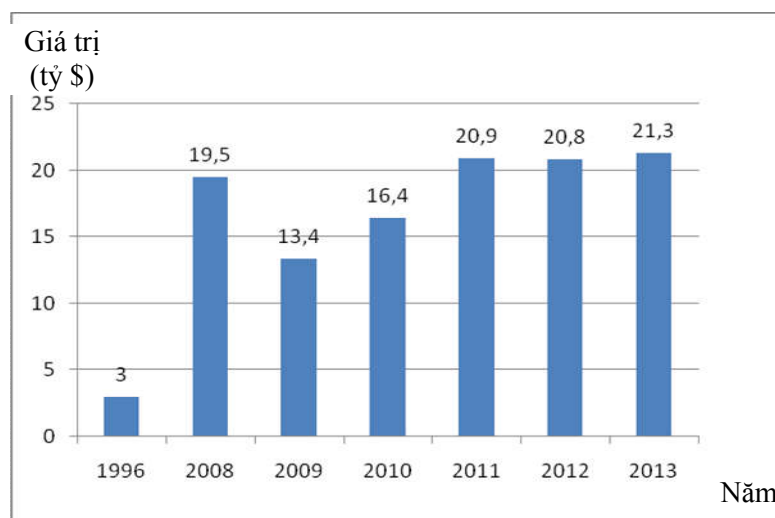
3.2.2.1. Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn rất yếu kém

Năng lực cạnh tranh yếu kém của doanh nghiệp Việt Nam thể hiện rõ ở các mặt:

- Quy mô nhỏ bé về vốn liếng, thiết bị đơn sơ lạc hậu, công nghệ đi sau hàng nhiều chục năm so với các nước trong khu vực.
- Lao động chưa qua đào tạo là chủ yếu, đặc biệt là đối với đa số doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Quản trị doanh nghiệp yếu kém, đặc biệt là

tư duy kinh doanh, tầm nhìn ngắn, kinh doanh kiểu “chộp giật”. Đây thực sự là điều đáng lo ngại khi Việt Nam hội nhập sâu vào kinh tế quốc tế.

Tham gia AEC sẽ bắt buộc xóa bỏ hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa các quốc gia thành viên ASEAN, từ đó tạo áp lực cạnh tranh rất lớn lên hàng hóa bởi sự thâm nhập và tràn ngập của hàng hóa từ các nước ASEAN, Ngoài ra, các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sẽ chịu sự cạnh tranh khốc liệt của hàng hóa các nước khác trên thị trường ASEAN. Với thiết bị, công nghệ và quy trình sản xuất như hiện nay của các doanh nghiệp Việt Nam, rất khó để cạnh tranh về mặt giá cả và chất lượng với các doanh nghiệp ở các quốc gia khác như Indonexia, Malaysia hay Thái Lan. Rõ ràng là nếu các doanh nghiệp không chủ động ứng phó thì nguy cơ thua ngay trên sân nhà là rõ ràng. Năm 1996, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước ASEAN là 3 tỷ USD. Năm 2009, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ các nước ASEAN chỉ là 13,4 tỷ USD thì năm 2010 đã tăng lên 16,4 tỷ USD (tăng 22,38%), năm 2013 đạt con số kỷ lục là 21,3 tỷ USD (tăng 42,07%). Điều này thể hiện ở biểu đồ 02.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Hình 02. Nhập khẩu của ASEAN vào Việt Nam (giai đoạn 1996 – 2013)

3.2.2.2. Năng suất và chất lượng lao động của Việt Nam thấp

Năng suất lao động của Việt Nam thuộc nhóm thấp ở châu Á - Thái Bình Dương (thấp hơn Singapore gần 15 lần, thấp hơn Nhật Bản 11 lần và thấp hơn Hàn Quốc 10 lần). Năng suất lao động của Việt Nam bằng 1/5 Malaysia và 2/5 Thái Lan. Trong giai đoạn 2002 - 2007, năng suất lao động tăng trung bình 5,2% mỗi

năm. Tuy nhiên, kể từ cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008, tốc độ tăng năng suất trung bình hằng năm của Việt Nam tăng chậm lại, chỉ còn 3,3%. Chất lượng và cơ cấu lao động vẫn còn nhiều bất cập so với yêu cầu phát triển và hội nhập.

Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo ngành được thể hiện qua bảng 01.

Bảng 01. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo ngành

Đơn vị tính: %

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2010 | Năm 2011 | Năm 2012 | Năm 2013 | Sơ bộ 2014 |
|-----|---|----------|----------|----------|----------|------------|
| 1 | Tổng số | 14,6 | 15,4 | 16,6 | 17,9 | 18,2 |
| 2 | Nông, lâm nghiệp và thủy sản | 2,4 | 2,7 | 3,0 | 3,5 | 3,6 |
| 3 | Công nghiệp chế biến, chế tạo | 13,4 | 14,8 | 16,8 | 18,3 | 17,9 |
| 4 | Sản xuất và phân phối điện, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí | 67,2 | 69,5 | 77,8 | 76,2 | 3,1 |
| 5 | Cung cấp nước, hoạt động quản lý nước thải, rác thải | 29,4 | 33,5 | 33,2 | 36,3 | 40,2 |

Nguồn: Tổng cục thống kê

Qua bảng 01 ta thấy, đến năm 2014 chỉ có 18,2% số người lao động đã qua đào tạo, con số này là lớn nhất trong 5 năm trở lại đây. Trong đó, số lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản được đào tạo là thấp nhất trong các ngành chỉ chiếm 3,6%. Điều này cũng dễ hiểu bởi nước ta lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn 46,81% và chủ yếu người lao động làm nghề nông bằng kinh nghiệm không qua đào tạo. Chiếm tỷ lệ cao nhất trong các ngành là Cung cấp nước, hoạt động quản lý nước thải, rác thải con số này cũng chỉ là 40,2%.

Trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực của

Việt Nam còn thấp và có khoảng cách khá lớn so với các nước trong khu vực. Ngân hàng Thế giới đánh giá Việt Nam đang thiếu lao động có trình độ tay nghề, công nhân kỹ thuật bậc cao. Nếu lấy thang điểm là 10 thì chất lượng nhân lực của Việt Nam chỉ đạt 3,79 điểm, xếp thứ 11/12 nước châu Á tham gia xếp hạng của Ngân hàng Thế giới (trong khi Hàn Quốc đạt 6,91 điểm; Ấn Độ đạt 5,76 điểm; Malaysia đạt 5,59 điểm...)

3.2.2.3. Hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa các quốc gia thành viên AEC sẽ dần xóa bỏ

Bảng 02. Lộ trình cắt giảm thuế ASEAN

| Danh mục | Việt Nam | ASEAN – 6 (Brunei, Malaysia, Indonesia, Philippines, Singapore, Thái Lan) |
|------------------------------------|-------------------------------|--|
| 1. Cắt giảm thuế quan xuống 0 - 5% | Vào năm 2009 | Vào năm 2009 (80% dòng thuế 0%) |
| 2. E-ASEAN | 0% vào năm 2010 | 0% vào năm 2009 |
| 3. Danh mục ưu tiên hội nhập | 0% vào năm 2012 | 0% vào năm 2010 |
| 4. Danh mục nhạy cảm | 0 - 5% vào năm 2013 | |
| 5. Xoá bỏ hạn ngạch thuế quan | 3 đợt 2013 - 2014 - 2015/2018 | 3 đợt 2008 - 2009 - 2010 |
| 6. Xoá bỏ thuế quan về cơ bản | 0% vào năm 2015/2018 | 0% vào năm 2010 |

Nguồn: Bộ Công thương

Qua bảng 02 ta thấy Việt Nam sẽ cơ bản xóa bỏ thuế quan và hạn ngạch vào năm 2018.

Đối với trao đổi thương mại ngoài khối, trong thời gian qua, Việt Nam đã cùng tham gia ký kết các Hiệp định thương mại tự do ASEAN với nhiều nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản..., trong đó đều đưa ra lộ trình thực hiện tự do hóa thương mại. Đây cũng chính là nguy cơ tiềm ẩn của việc gia tăng tình trạng nhập siêu của Việt Nam. Hiệp định ASEAN - Trung Quốc là một ví dụ. Theo tiến trình cắt giảm thuế quan với Trung Quốc, phần lớn hàng hóa Trung Quốc vào Việt Nam sẽ chỉ còn thuế suất từ 0 - 5% vào năm 2015. Với mức thuế suất như vậy, kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc sẽ gia tăng, làm cho cán cân thương mại Việt Nam - Trung Quốc càng mất cân đối nghiêm trọng hơn.

3.2.2.4. Các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh của hàng hóa các nước khác trên thị trường ASEAN

Trong thời gian tới, AEC hình thành sẽ tạo ra thị trường chung, không còn rào cản hàng hóa, dịch vụ, vốn... Hàng hoá ở các nước thành viên ASEAN sẽ có mức thuế ưu đãi như nhau, khi đó sức cạnh tranh sẽ tập trung vào chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. Trong

khí đó, với thiết bị, công nghệ hiện nay, sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam khó có thể cạnh tranh với sản phẩm xuất khẩu của các nước trong khối. Thị trường Singapore là một ví dụ. Hiện nay, Singapore là đối tác lớn nhất của Việt Nam trong ASEAN, luôn dẫn đầu về cả kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu. Các mặt hàng mà Việt Nam xuất khẩu sang Singapore chủ yếu là máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng. Trong khi đó, Malaysia cũng đang xuất khẩu sang Singapore các mặt hàng tương tự như của Việt Nam. Khi mức thuế quan được ưu đãi như nhau, với năng lực công nghệ kém hơn, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sẽ khó khăn hơn khi giữ vững vị thế trên thị trường Singapore.

Thị trường ASEAN vốn là thị trường có mức tiêu dùng cao, không chuộng sản phẩm kém chất lượng, không rõ nguồn gốc xuất xứ. Khi ASEAN thực hiện tự do hóa thương mại với các đối tác như Hàn Quốc, Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, EU..., các sản phẩm có chất lượng cao của Nhật Bản, Hàn Quốc, EU sẽ có nhiều thuận lợi khi thâm nhập thị trường ASEAN. Như vậy, sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sang ASEAN sẽ càng gặp khó khăn hơn.

3.2.2.4. AEC sẽ tạo ra sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu đối với các sản phẩm, ngành hay lĩnh vực sản xuất, kinh doanh ngay tại thị trường Việt Nam

Hiện nay, tại các thành phố lớn của Việt Nam như Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, các sản phẩm có nguồn gốc từ ASEAN xuất hiện ngày càng nhiều. Mặc dù có thể coi đây là cơ hội cho người tiêu dùng trong nước, nhưng cũng là nguy cơ khiến Việt Nam trở thành “vùng trũng” tiêu thụ hàng hóa của các nước trong khu vực. Hàng hóa của ASEAN được người tiêu dùng mua nhiều gồm những sản phẩm gia dụng như điện máy, dụng cụ nhà bếp, tiếp đến là hóa mỹ phẩm có nguồn gốc từ Thái Lan, Malaysia. Ưu thế của các mặt hàng này là giá bán rất rẻ, chỉ bằng 1/2 hoặc 2/3 so với sản phẩm cùng loại bán trong cửa hàng và siêu thị của Việt Nam.

Bên cạnh đó, khi Việt Nam thực hiện cam kết giảm thuế suất đối với các sản phẩm nhập khẩu từ các nước đối tác mà Việt Nam đã cùng ASEAN ký kết Hiệp định thương mại, hàng hóa Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh của hàng nhập khẩu từ các nước đối tác này. Khi một nền kinh tế chưa được chuẩn bị đầy đủ trước những đối thủ cạnh tranh trong điều kiện các hàng rào thuế quan đã sớm bị dỡ bỏ, sẽ dẫn đến những tổn thất về kinh tế trong cuộc cạnh tranh không cân sức, đồng thời còn gây sức ép đối với nền công nghiệp non trẻ của Việt Nam.

3.3. Một số ý kiến đề xuất giúp Việt Nam ra nhập AEC hiệu quả hơn

3.3.1. Thực hiện đổi mới kinh tế

Nhà nước phải đẩy mạnh hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, xóa bỏ mọi phân biệt đối xử đối với các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, bằng cách quốc hội mạnh dạn thay đổi cách

làm luật, tích cực ban hành các luật, bộ luật phù hợp với thể chế kinh tế thị trường.

Để tham gia hiệu quả vào lộ trình AEC, một trong những yếu tố quan trọng nhất là Việt Nam cần nỗ lực trong việc cải cách các quy chế trong nước như đơn giản hóa các thủ tục hành chính, hệ thống hóa và điều chỉnh các điều luật không có hiệu quả hay có sự mâu thuẫn. Đồng thời, bên cạnh việc thực hiện đúng, đủ và tích cực các cam kết, Chính phủ Việt Nam cần có sự hỗ trợ đối với các doanh nghiệp, giảm thiểu chi phí giao dịch kinh doanh thông qua việc cắt giảm chi phí đầu vào sản xuất và cung ứng dịch vụ với thời gian ngắn nhất.

3.3.2. Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức về AEC

Việt Nam cần đẩy mạnh tuyên truyền để doanh nghiệp và người lao động tích cực hơn trong việc chuẩn bị hội nhập AEC.

Người lao động Việt Nam cần phải chuẩn bị tốt để đáp ứng mong đợi của nhà tuyển dụng. Đó là ngoài việc học tốt chương trình đào tạo ở Việt Nam, người lao động Việt Nam cần học thêm các bằng cấp quốc tế được công nhận rộng rãi ở khu vực ASEAN và trên toàn cầu. Những bằng cấp quốc tế này là hộ chiếu để người lao động Việt Nam làm việc ở các nước ASEAN khác.

Nhận thức của các doanh nghiệp về cơ hội, thách thức của hội nhập AEC vẫn còn rất nhiều hạn chế. Theo Viện Nghiên cứu Đông Nam Á của Singapore (ISEAS), có 76% số doanh nghiệp được điều tra không biết về AEC và 94% doanh nghiệp không biết về Biểu đánh giá thực hiện AEC. Có đến 63% doanh nghiệp cho rằng AEC không có ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng rất ít đến việc kinh doanh của mình. Đây là tỷ lệ lớn nhất trong số các quốc gia

ASEAN. Những nhận thức còn hạn chế như vậy sẽ khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tận dụng được các ưu đãi và cơ hội đến từ AEC.

Do vậy, các cơ quan hữu quan cần xây dựng một cơ chế hiệu quả nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về AEC, về những lợi ích dài hạn mà AEC mang lại, cụ thể là các cơ quan làm công tác hỗ trợ doanh nghiệp, các tổ chức xúc tiến thương mại, các hội ngành nghề cần phải chủ động nâng cao vai trò của mình hơn nữa, cần có nhiều hình thức khác nhau để cung cấp và hỗ trợ thông tin hiệu quả hơn cho doanh nghiệp cũng như người lao động.

3.3.3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

Để có nhân lực chất lượng cao nhất là trong lĩnh vực đào tạo nghề cần thực hiện một số công việc sau:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về vai trò, vị trí của dạy nghề trong chiến lược phát triển nhân lực của đất nước thời kỳ 2011 - 2020. Ưu tiên đầu tư đào tạo nghề trong từng chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, vùng, ngành.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách về dạy nghề, học nghề.

Có cơ chế để cơ sở dạy nghề là một chủ thể độc lập, tự chủ. Có chính sách đãi ngộ, thu hút giáo viên dạy nghề; chính sách đối với người đứng đầu cơ sở dạy nghề, người lao động qua đào tạo nghề; chính sách đào tạo liên thông, hỗ trợ người học nghề.

Xây dựng cơ chế để các doanh nghiệp và cơ sở sử dụng lao động tham gia xây dựng, đánh giá, điều chỉnh chương trình đào tạo, hướng dẫn thực hành và đánh giá năng lực người học, hướng tới doanh nghiệp phải là một trong những chủ thể đào tạo nghề.

Thứ ba, đổi mới cơ cấu dạy nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chuyển hệ thống dạy nghề khép kín thành hệ thống đào tạo mở, linh hoạt, liên thông giữa các thành tố của hệ thống và liên thông với các bậc học khác.

Thứ tư, gắn kết giữa dạy nghề với thị trường lao động và sự tham gia của doanh nghiệp, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động. Xây dựng các mối quan hệ chặt chẽ giữa dạy nghề với thị trường lao động, hướng vào việc đáp ứng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương, từng ngành, đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.

Thứ năm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về dạy nghề, nhất là với những nước thành công trong phát triển dạy nghề ở khu vực ASEAN và trên thế giới. Tích cực tham gia vào các hoạt động của khu vực và thế giới để giao lưu và học hỏi kinh nghiệm, như tham gia Hội thi tay nghề ASEAN, Hội thi tay nghề thế giới.

3.3.4. Thúc đẩy xây dựng cơ sở hạ tầng

Một mạng lưới cơ sở hạ tầng xuyên ASEAN thông qua kêu gọi đầu tư và tài trợ để phát triển đồng bộ mạng lưới vận tải, thông tin, giao dịch an toàn giữa các thành viên và với thế giới.

3.3.5. Về phía các doanh nghiệp Việt Nam

Để gia nhập AEC hiệu quả, trước mắt các doanh nghiệp cần làm một số việc sau:

Thứ nhất: thay đổi tư duy trong hội nhập. Doanh nghiệp cần xem ASEAN là thị trường quan trọng không thua Mỹ, Nhật hay EU. Doanh nghiệp cần có những tìm hiểu, nghiên cứu sâu hơn thị trường ASEAN cũng như các chính sách hỗ trợ mà AEC mang lại để vạch ra chiến lược kinh doanh thích hợp.

Thứ hai: nhạy bén hơn trong tìm kiếm và nắm bắt cơ hội. Tìm kiếm phương thức kinh

doanh mới để doanh nghiệp khai thác cơ hội, đồng thời tránh sự cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp nước ngoài.

Thứ ba: cải thiện và phát huy năng lực. Áp lực bị “đào thải” trong sân chơi AEC sẽ rất cao nếu doanh nghiệp không chịu cải thiện hoặc cải thiện chưa tới để tăng năng lực cạnh tranh. Doanh nghiệp nên đầu tư nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, dịch vụ, nhân lực, công nghệ... Đồng thời doanh nghiệp cũng cần cập nhật xu hướng tiêu dùng ở mỗi nước ASEAN, tìm kiếm cơ hội liên kết với các nhà phân phối tại các nước đó.

Thứ tư: làm tốt ngay trên sân nhà. Các doanh nghiệp trong nước có lợi thế là am hiểu địa lý, lối sống, văn hóa tiêu dùng của Việt Nam, vì vậy nên tận dụng lợi thế này để chuẩn bị chu đáo từ sản phẩm, bao bì, mẫu mã, cách thức và thời điểm tung sản phẩm ra thị trường phù hợp để duy trì và củng cố chỗ đứng trên “sân nhà”.

Thứ năm: liên kết để phát triển. Nên học hỏi lẫn nhau về chiến lược cạnh tranh trong kinh doanh, thay vì làm đối thủ nên bắt tay làm đối tác của nhau, cùng tham gia vào chuỗi giá trị, tạo sức mạnh lợi thế nhờ quy mô và phát huy tốt hơn lợi thế so sánh. Khi AEC thành lập, dự báo sẽ có nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam, họ sẽ thâm nhập và “xén” bớt thị phần nội địa của doanh nghiệp Việt. Muốn cạnh tranh, ta phải mạnh; muốn mạnh, ta (chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa) phải liên kết với nhau.

IV. KẾT LUẬN

Sự kiện Việt Nam gia nhập AEC sẽ đem lại cho Việt Nam nhiều cơ hội lớn, có được một thị trường rộng lớn hơn; mở rộng xuất khẩu; thu hút các nguồn đầu tư; tự do dịch chuyên lao động... Tuy nhiên, cơ hội luôn đi liền cùng

những thách thức lớn như: năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp còn rất yếu kém; năng suất và chất lượng lao động của Việt Nam thấp; hàng rào thuế quan và phi thuế quan giữa các quốc gia thành viên AEC sẽ dần xóa bỏ; các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh của hàng hóa các nước khác trên thị trường ASEAN; sự cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu đối với các sản phẩm, ngành hay lĩnh vực sản xuất, kinh doanh ngay tại thị trường Việt Nam.

Điều đó đòi hỏi các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt cơ hội, chủ động thay đổi công nghệ sản xuất, áp dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra các sản phẩm có chất lượng tốt, giá thành phù hợp mới có thể cạnh tranh trên thị trường. Muốn vậy, Chính phủ cần có các chính sách cụ thể như chính sách tín dụng ưu đãi để các doanh nghiệp có thể tiếp cận các nguồn vốn vay, từ đó họ đầu tư cải tiến cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. Việt Nam cần đẩy mạnh cải cách hành chính trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đầu tư nhằm cải thiện sức cạnh tranh của nền kinh tế cũng như tạo tiền đề cho việc triển khai các cơ chế tự do hoá khi hình thành thị trường chung ASEAN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Hồng Cường (2015). *Hướng tới cộng đồng kinh tế Asean(2015): Động thái của các quốc gia Asean, hàm ý đối với Việt Nam.*

<http://dl.ueb.edu.vn/bitstream/1247/8907/1/Bui%20Hong%20Cuong.pdf>

2. Ngô Xuân Hoà (2015). *Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam khi tham gia Cộng đồng kinh tế ASEAN 2015.* <http://tdcgiealai.vn/vi/tin-tuc/55-co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-viet-nam-khi-tham-gia-cong-dong-kinh-te-asean-2015>

3. Hà Văn Hội (2014). *Tham gia cộng đồng kinh tế ASEAN và những tác động đến thương mại quốc tế Việt Nam.* <http://tapchi.vnu.edu.vn/upload/2014/02/1118/5.pdf>

4. Đỗ Thanh Năm, *Hội nhập AEC: phải làm gì đây?*
<http://www.thesaigontimes.vn/127469/Hoi-nhap-AEC-phai-lam-gi-day.html>

5. Mạc Văn Tiên. *Cơ hội và thách thức đối với lao*

động Việt Nam khi gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN.
<http://www.hvct.edu.vn/co-hoi-va-thach-thuc-doi-voi-lao-dong-viet-nam-khi-gia-nhap-cong-dong-kinh-te-asean.aspx?tabid=466&a=2050>

THE OPPORTUNITIES AND CHALLENGES OF VIETNAM WHEN JOINING THE ASEAN ECONOMIC COMMUNITY

Mai Quyen

SUMMARY

The Asean Economic Community (AEC) is planned to be established by the end of 2015 and is considered as a milestone marking the comprehensive integration of the economies of Southeast Asia. Therefore, the article aims to investigate opportunities and challenges to Vietnam's economy when Vietnam joins AEC. These opportunities can be: Vietnam will get broader market, free movement of labor, opportunities to expand export and attract investment. Besides the opportunities there are big challenges, such as: weak competitiveness of enterprises, low productivity and quality of labor in Vietnam, the elimination of tariff and non-tariff barriers among AEC countries... Therefore, to take advantage of opportunities and limit the impact of the challenges Vietnam need to do some work: taking economic reform, improving the quality of human resources, and promoting the construction of infrastructure...

Key words: *Asean economic community, challenges, export, labour, opportunity, Vietnam economy.*

Người phản biện : PGS.TS. Trần Hữu Đào

Ngày nhận bài : 25/9/2015

Ngày phản biện : 27/11/2015

Ngày quyết định đăng : 30/11/2015